TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 498/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2017
V/v Ly hôn giữa chị L và anh D

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Chính
2. Bà Nguyễn Thị Lan

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Mỹ Trinh - *Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn.*

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định*** *tham gia phiên tòa:* Ông Trần An Vinh - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. **N**guyên đơn: Chị Đặng Thị Bích L - Sinh năm: 1977
   Địa chỉ: Tổ 2, KV1, P. Q, Tp. Q, Tỉnh B.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành D - Sinh năm: 1976
   Địa chỉ: Tổ 2, KV1, P. Q, Tp. Q, Tỉnh B.

Nguyên đơn chị L có mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-3-2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đặng Thị Bích L trình bày:* Chị L và anh Nguyễn Thành D đăng ký kết hôn ngày 31-10-2003 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh B, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến tháng 01/2015 phát phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình nên bất đồng quan

điểm sống, lối sống. Hơn nữa anh D còn ngoại tình và tự dọn ra ở riêng từ tháng 4/2015 đến nay, không có trách nhiệm với vợ, con. Vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai .

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa. Chị không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh D nên chị cương quyết xin ly hôn anh D để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên: Nguyễn Thúy H, sinh ngày: 03-5-2005 và Nguyễn Minh T, sinh ngày: 18-6-2009. Sức khỏe hai con chung bình thường, hiện nay đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết tài sản xong nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Tại bản khai ngày 24-3-2017 và quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Thành D khai: Thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như chị L đã khai. Anh và chị Đặng Thị Bích L kết hôn, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế gia đình nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, quan niệm sống của mỗi người ngày càng khác biệt, không còn tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 02/2015 cho đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên: Nguyễn Thúy H, sinh ngày 03-5-2005 và Nguyễn Minh T, sinh ngày: 18-6-2009. Sức khỏe hai con chung bình thường, hiện nay đang ở với chị L. Ly hôn anh đồng ý chị L nuôi cháu H. Còn anh nuôi cháu T và không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết tài sản xong nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành việc có mặt theo triệu tập của Tòa.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

- Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Bích L được ly hôn với anh Nguyễn Thành D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thúy H, sinh ngày: 03-5-2005 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày: 18-6-2009 cho chị Đặng Thị Bích L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tòa không giải quyết

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị Bích L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

1.Về tố tụng: Anh Nguyễn Thành D - là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo qui định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Thành D.

2. Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị Bích L và anh Nguyễn Thành D là hôn nhân hợp pháp. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh D vì tình cảm không còn. Còn anh D khai vào ngày 24-3-2017 cũng đồng ý ly hôn nhưng lại tranh chấp về nuôi con. Tại phiên tòa anh D vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị chị L và anh D không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Do đó hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp theo qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị L và anh D có 02 con chung tên Nguyễn Thúy H, sinh ngày: 03-5-2005 và Nguyễn Minh T, sinh ngày: 18-6-2009. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Còn anh D khai: Nếu ly hôn anh đồng ý chị L nuôi cháu H. Còn anh nuôi cháu T và không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Tòa xét: Chị L và D đều có yêu cầu trực tiếp nuôi con. Hiện nay, anh D thuê nhà ở không có chỗ ở ổn định, không chứng minh có thu nhập ổn định. Còn chị L có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Hơn nữa hiện nay hai con chung đang ở ổn định với chị L và các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi chị L và anh D ly hôn. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu H và cháu T. Do đó yêu cầu nuôi con chung của chị L là có căn cứ và phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L và anh D không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị Bích L phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56 và các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị Bích L và anh Nguyễn Thành D.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Thúy H, sinh ngày: 03-5-2005 và Nguyễn Minh T, sinh ngày: 18-6-2009 cho chị Đặng Thị Bích L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2.Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản..

3. Về tài sản chung: Chị L và anh D không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Bích L phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0004468 ngày 21/3/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Tp. Quy Nhơn. Chị L đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Thành D vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSNDTP.Quy Nhơn
-UBND xã Tây Thuận
-Các đương sự
-Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương